TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/4/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Hải

2. Ông Trịnh Văn Phương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Mã Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng*:** Ông Nông Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án thụ lý số 93/2023/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nội Thị V– sinh năm 1978;

HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 02, phường N, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh Q - sinh năm 1977;

HKTT: Tổ 02, phường N, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Chỗ ở: SN 003, ngõ 62, tổ 10, phường Đ, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 30, phân trại số 06, trại giam Phú Sơn 4, xã C, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải Q vụ án nguyên đơn Nội Thị Vtrình bày: Bà và ông Nguyễn Thanh Q đăng ký kết hôn ngày 21/02/2008 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn T, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân trên cơ sở tự

nguyện, có được tìm hiểu và tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại tổ 02, phường N, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Về quá trình chung sống: Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 09 năm, đến tháng 8/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do ông Q nghiện ma túy. Quá trình chung sống bà đã nhiều lần khuyên ngăn ông Q từ bỏ ma túy nhưng không có kết quả, gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không khắc phục được. Vợ chồng vẫn chung sống với nhau đến tháng 01/2019 thì vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay bà xác định mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được, yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Thanh Q.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Phương M - sinh ngày 25/6/2008 (giới tính: Nữ) và Nguyễn Phương N – Sinh ngày 25/11/2017 (Giới tính: Nữ). Hiện nay cả 02 con chung đang sinh sống cùng mẹ tại tổ 02, phường N, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Khi ly hôn, bà V đề nghị giao 02 con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải Q.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải Q.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Thanh Q vắng mặt. Tại biên bản giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án ngày 16/12/2022, ông Q có ý kiến không nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án hoãn đến khi ông Q chấp hành án trở về xã hội sẽ tiến hành giải Q và ông không nhất trí viết bản tự khai.

Tại biên bản xác minh ngày 16/01/2023, bí thư chi bộ kiêm tổ trưởng tổ 02, phường N, thành phố Cao Bằng cho biết nguyên nhân mâu thuẫn gia đình giữa bà V và ông Q là do ông Q nghiện ma túy, không quan tâm đến gia đình. Từ năm 2019 vợ chồng ly thân, anh Q đã chuyển về phường Đ, thành phố Cao Bằng sống cùng mẹ đẻ, còn chị V và các con vẫn sinh sống tại tổ 02, phường N, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng cho đến nay. Tổ dân phố chưa tiến hành hòa giải mâu thuẫn gia đình giữa bà V, ông Q.

Tại biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên ngày 17/01/2023, cháu Nguyễn Phương M cho biết hiện nay cháu đang sống với mẹ tại tổ 02, phường N, thành phố Cao Bằng, nguyện vọng của cháu là sống với mẹ, sau khi bố mẹ ly hôn vì mẹ là người chăm sóc, nuôi dưỡng dạy bảo cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia tố tụng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có sai phạm. Quan điểm của việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nội Thị V, cho bà

V được ly hôn ông Q. Việc nuôi con chung: Giao 02 con chung cho bà Nội Thị V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung thành niên, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi các con chung. Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Bà Nội Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nội dung vụ án là ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải Q của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Quá trình giải Q vụ án, bà Nội Thị V có đơn yêu cầu không hòa giải vụ án. Xét thấy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh Q vắng mặt với lý do hiện đang chấp hành án tại Đội 30, phân trại số 06, trại giam Phú Sơn 4, xã C, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Q đúng quy định pháp luật, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nội Thị V và ông Nguyễn Thanh Q đăng ký kết hôn ngày 21/02/2008 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn T, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông Q là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 09 năm, đến tháng 8/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do ông Q nghiện ma túy. Quá trình chung sống bà đã nhiều lần khuyên ngăn ông Q từ bỏ ma túy nhưng không có kết quả, gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không khắc phục được. Vợ chồng chung sống với nhau đến tháng 01/2019 thì ly thân cho đến nay. Nay bà xác định mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được, yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Thanh Q.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Q không nhất trí ly hôn bà V.

Căn cứ kết quả xác minh ngày 16/01/2023 với Bí thư chi bộ kiêm Tổ trưởng tổ 02, phường N, thành phố Cao Bằng, Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân mâu thuẫn chính của vợ chồng là do ông Q nghiện ma túy, vợ

chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông Q chỉ tồn tại trên danh nghĩa, tình cảm yêu thương quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau đã không còn. Cuộc hôn nhân của bà V và ông Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không mang lại kết quả nên cần cho ly hôn theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Phương M - sinh ngày 25/6/2008 (giới tính: Nữ) và Nguyễn Phương N – Sinh ngày 25/11/2017 (Giới tính: Nữ). Hiện nay cả 02 con chung đang sống với bà V. Quá trình giải Q vụ án bà V có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung.

Xét thấy hiện nay ông Q đang chấp hành án tù nên không có điều nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, còn bà V đang làm giáo viên, có thu nhập ổn định, tại biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Phương M có nguyện vọng muốn ở với mẹ, cháu Nguyễn Phương N hiện nay còn quá nhỏ. Do đó, cần giao cả 02 con chung cho bà V nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà V không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nội Thị V xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà V là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Bà V và ông Q được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

Q ĐỊNH

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nội Thị V. Xử cho bà Nội Thị V được ly hôn ông Nguyễn Thanh Q.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Phương M - sinh ngày 25/6/2008 (giới tính: Nữ) và Nguyễn Phương N – Sinh ngày 25/11/2017 (giới tính: Nữ) cho bà Nội Thị Vtrực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung thành niên. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi các con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nội Thị Vxác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung. Quá trình giải Q vụ án hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nội Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà V đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003289 ngày 16/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận bà V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Hoài Phương